

Số: 21/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
tỉnh Tuyên Quang năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ LẦN THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội
Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023
của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP
ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực
hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng
Chính phủ Về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025
cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí*

sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2025, như sau:

1. Tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giao năm 2025: 176.980 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 171.825 triệu đồng.

b) Vốn đối ứng của ngân sách địa phương (chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh): 5.155 triệu đồng.

2. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025

2.1. Phân bổ cho các dự án thành phần:

a) Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: 11.843 triệu đồng.

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 57.097 triệu đồng.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: 35.894 triệu đồng.

d) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 29.127 triệu đồng.

đ) Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hai huyện nghèo Na Hang, Lâm Bình: 22.475 triệu đồng.

e) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 9.705 triệu đồng.

ê) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 10.839 triệu đồng.

2.2. Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: 170.296 triệu đồng.

b) Các sở, ngành cấp tỉnh: 2.301 triệu đồng.

c) Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang: 4.383 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số 01, 02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp phải điều chỉnh, thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định pháp luật và không được vượt tổng kinh phí đã giao tại Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 13 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Nam).

Phạm Thị Minh Xuân

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025									
		Tổng cộng	Trong đó								
			Huyện Lâm Bình	Huyện Na Hang	Huyện Chiêm Hóa	Huyện Hàm Yên	Huyện Yên Sơn	Huyện Sơn Dương	Thành phố Tuyên Quang	Sở ngành cấp tỉnh	Trường Cao đẳng nghề KT-CN Tuyên Quang
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Tổng toàn tỉnh	176.980,0	40.655,5	36.930,5	21.550,0	16.127,0	25.483,0	25.567,0	3.983,0	2.301,0	4.383,0
	Vốn ngân sách trung ương	171.825,0	37.705,5	34.725,5	21.550,0	16.127,0	25.483,0	25.567,0	3.983,0	2.301,0	4.383,0
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh)	5.155,0	2.950,0	2.205,0							
II	Phân bổ theo từng Dự án cụ thể	176.980,0	40.655,5	36.930,5	21.550,0	16.127,0	25.483,0	25.567,0	3.983,0	2.301,0	4.383,0
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	11.843,0	5.921,5	5.921,5							
	Vốn ngân sách trung ương	11.183,0	5.591,5	5.591,5							
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	660,0	330,0	330,0							
2	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	57.097,0	8.838,0	8.838,0	9.144,0	6.604,0	11.176,0	11.176,0	1.321,0		
	Vốn ngân sách trung ương	57.097,0	8.838,0	8.838,0	9.144,0	6.604,0	11.176,0	11.176,0	1.321,0		
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	35.894,0	5.381,0	5.381,0	5.567,0	4.054,0	6.750,0	6.750,0	1.286,0	725,0	
	Vốn ngân sách trung ương	35.894,0	5.381,0	5.381,0	5.567,0	4.054,0	6.750,0	6.750,0	1.286,0	725,0	
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	29.127,0	4.466,0	4.466,0	3.789,0	3.266,0	3.829,0	3.913,0	925,0	90,0	4.383,0
	Vốn ngân sách trung ương	29.127,0	4.466,0	4.466,0	3.789,0	3.266,0	3.829,0	3.913,0	925,0	90,0	4.383,0
5	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hai huyện Na Hang, Lâm Bình	22.475,0	13.100,0	9.375,0							
	Vốn ngân sách trung ương	17.980,0	10.480,0	7.500,0							
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	4.495,0	2.620,0	1.875,0							
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	9.705,0	1.321,0	1.321,0	1.366,0	987,0	1.670,0	1.670,0	201,0	1.169,0	
	Vốn ngân sách trung ương	9.705,0	1.321,0	1.321,0	1.366,0	987,0	1.670,0	1.670,0	201,0	1.169,0	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	10.839,0	1.628,0	1.628,0	1.684,0	1.216,0	2.058,0	2.058,0	250,0	317,0	
	Vốn ngân sách trung ương	10.839,0	1.628,0	1.628,0	1.684,0	1.216,0	2.058,0	2.058,0	250,0	317,0	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng hợp kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 (NSTW)	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			Dự án 6 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		
			Tổng số (NSTW)	Trong đó		Tổng số (NSTW)	Trong đó		Tổng số (NSTW)	Trong đó		Tổng số (NSTW)	Trong đó	
				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 3		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	6.684,0	725,0	160,0	565,0	4.473,0	4.383,0	90,0	1.169,0	351,0	818,0	317,0	-	317,0
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	310,0	160,0	160,0	-	-	-	-	100,0		100,0	50,0	-	50,0
2	Sở Nội vụ	90,0	-			90,0		90,0	-			-		-
3	Sở Tài chính	30,0	-			-			-			30,0		30,0
4	Sở Y tế	585,0	565,0		565,0	-			-			20,0		20,0
5	Sở Khoa học và Công nghệ	20,0	-			-			-			20,0		20,0
6	Sở Xây dựng	20,0	-			-			-			20,0		20,0
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	20,0	-			-			-			20,0		20,0
8	Sở Tư pháp	635,0	-			-			615,0		615,0	20,0		20,0
9	Sở Công thương	20,0	-			-			-			20,0		20,0
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	367,0	-			-			351,0	351,0	-	16,0	-	16,0

STT	Đơn vị	Tổng hợp kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 (NSTW)	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			Dự án 6 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		
			Tổng số (NSTW)	Trong đó		Tổng số (NSTW)	Trong đó		Tổng số (NSTW)	Trong đó		Tổng số (NSTW)	Trong đó	
				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 3		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
11	Công an tỉnh	20,0	-			-			-			20,0		20,0
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	30,0	-			-			-			30,0		30,0
13	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	11,0	-			-			-			11,0		11,0
14	Hội Nông dân tỉnh	20,0	-			-			-			20,0		20,0
15	Bộ Chỉ huy Quân sự	10,0	-			-			-			10,0		10,0
16	Chi cục Thống kê	10,0	-			-			-			10,0		10,0
17	Liên minh HTX tỉnh	103,0	-			-			103,0		103,0	-		-
18	Trường Cao đẳng nghề KT-CN Tuyên Quang	4.383,0				4.383,0	4.383,0							